



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2014 ĐỢT XÉT TỐT NGHIỆP THÁNG 05/2014

Nhằm thu thập ý kiến đóng góp của sinh viên tốt nghiệp năm 2014 để đánh giá mức độ thích ứng kết quả đào tạo của nhà trường với nhu cầu của thị trường lao động. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học Mở TP.HCM. Phòng Quản lý đào tạo kết hợp cùng các Khoa có sinh viên nhận bằng tốt nghiệp trong đợt xét tốt nghiệp vào tháng 05/2014 đã phát phiếu lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp.

Nội dung "Phiếu lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp" gồm 6 phần chính:

1. Thông tin cá nhân.
2. Thông tin về việc làm.
3. Mức độ ảnh hưởng của bằng tốt nghiệp trường Đại học Mở TP.HCM đối với công việc hiện tại.
4. Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường.
5. Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường.
6. Đánh giá về kết quả đào tạo.

PHẦN 1: THÔNG TIN CÁ NHÂN

Phần này yêu cầu sinh viên tốt nghiệp cung cấp cho trường các thông tin: mã số sinh viên, điện thoại, e-mail, địa chỉ để liên lạc qua lại giữa nhà trường và sinh viên tốt nghiệp sau này. Thông tin này là cầu nối liên lạc, phát triển và duy trì hệ thống Câu lạc bộ Cựu sinh viên và cùng rà soát chương trình đào tạo của các ngành đào tạo của trường.

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM

Thời điểm phát và nhận phiếu: sinh viên tốt nghiệp nhận phiếu và cung cấp thông tin đồng thời cho ý kiến vào thời điểm nhận bằng tốt nghiệp tại văn phòng Khoa. Thời gian từ khi có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đến khi nhận bằng tốt nghiệp trung bình lớn hơn 1.5 tháng.

Số phiếu phát ra và đã được Phòng Quản lý đào tạo quét lưu trữ: **1352 phiếu**. Sau khi lọc dữ liệu chỉ sử dụng được **1139 phiếu** phản hồi hợp lệ (có đủ thông tin phản hồi của người học) có thể sử dụng để khảo sát với độ tin cậy cao. Chiếm tỷ lệ 84.25% tổng số phiếu phát ra. Chuyển dữ liệu của 228 phiếu phản hồi về đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để xử lý vì một số khoa có số phiếu phản hồi nhỏ hơn 30 phiếu. Do đó, số phiếu sử dụng khảo sát trong đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 là **911 phiếu**.

Tổng số phiếu được sử dụng khảo sát: **911**.

Số sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm: **498** chiếm tỷ lệ **54.67%**.

Số sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm: **413** chiếm tỷ lệ **45.33%**.

Câu 6: Lý do chưa từng làm việc kể từ khi tốt nghiệp	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Đi học tiếp tục	52	12.59
2. Chưa có ý định tìm việc	28	6.78
3. Đang xin việc chưa có kết quả	278	67.31
4. Đã xin việc nhưng không thành công	43	10.41
5. Thiếu thông tin việc làm	12	2.91
Tổng cộng	413	100

Tình hình sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm

Câu 7: Thời gian tìm được việc làm	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Có việc làm trước khi TN	262	52.61
2. Trong vòng 1 tháng	97	19.48
3. Từ 2 - < 3 tháng	72	14.46
4. Từ 3 - 6 tháng	35	7.03
5. Trên 6 tháng	32	6.43
Tổng cộng	498	100

Câu 8: Mức độ phù hợp của công việc so với ngành đào tạo	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không phù hợp	42	8.43
2. Ít	80	16.06
3. Trung bình	114	22.89
4. Khá	140	28.11
5. Hoàn toàn phù hợp	122	24.50
Câu 9: Làm việc trong đơn vị thuộc thành phần kinh tế	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Cơ quan nhà nước	90	18.07
2. Đoàn thể/Ban ngành	9	1.81
3. Doanh nghiệp tư nhân	324	65.06
4. Kinh tế hộ cá thể	14	2.81
5. Tổ chức nước ngoài	61	12.25
Câu 10: Mức thu nhập bình quân/tháng	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Dưới 3 triệu	48	9.64
2. Từ 3 - < 5 triệu	206	41.37
3. Từ 5 - < 7 triệu	146	29.32
4. Từ 7 - 10 triệu	70	14.06
5. Trên 10 triệu	28	5.62

PHẦN 3: MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA BẰNG TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC HIỆN TẠI

Câu 11: Mức lương hiện tại	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không ảnh hưởng	119	23.90
2. Ít	100	20.08
3. Trung bình	162	32.53
4. Khá	92	18.47
5. Ảnh hưởng rất nhiều	25	5.02
Câu 12: Cơ hội thăng tiến trong công việc	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không ảnh hưởng	64	12.85
2. Ít	81	16.27
3. Trung bình	156	31.33
4. Khá	151	30.32
5. Ảnh hưởng rất nhiều	46	9.24

Câu 34:

Câu 34: Khi có điều kiện tiếp tục học tập, Anh/Chị có chọn Trường Đại học Mở TP. HCM để đăng ký học tiếp hay không ?	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không trả lời	6	0.66
2. Có	831	91.22
3. Không	74	8.12

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG

mdo01: Không đồng ý mdo02: Đồng ý ít mdo03: Đồng ý mức trung bình mdo04: Đồng ý mức khá mdo05: Đồng ý hoàn toàn

Nội dung tiêu chí	md01	md02	md03	md04	md05	tu_tbinh	tu_kha	tl_tbinh	tl_kha
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	6	64	197	179	52	428	231	85.94%	46.39%
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	12	76	249	422	150	821	572	90.32%	62.93%
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	6	39	242	442	176	860	618	95.03%	68.29%
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	14	46	215	436	194	845	630	93.37%	69.61%
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	3	24	138	448	292	878	740	97.02%	81.77%

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG

mdo01: Yếu mdo02: Kém mdo03: Trung bình mdo04: Khá mdo05: Tốt

Nội dung tiêu chí	md01	md02	md03	md04	md05	tu_tbinh	tu_kha	tl_tbinh	tl_kha
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	3	16	138	431	321	890	752	97.91%	82.73%
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	5	48	280	383	193	856	576	94.17%	63.37%
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	5	45	317	396	145	858	541	94.49%	59.58%
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	5	34	265	423	183	871	606	95.71%	66.59%
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	12	47	259	402	187	848	589	93.50%	64.94%
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	6	36	178	444	243	865	687	95.37%	75.74%
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	3	7	90	414	396	900	810	98.90%	89.01%
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	6	32	197	455	215	867	670	95.80%	74.03%
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	11	63	310	358	164	832	522	91.83%	57.62%
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	20	97	352	327	111	790	438	87.10%	48.29%
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	7	59	272	389	178	839	567	92.71%	62.65%

PHẦN 6: ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

mdo01: Yếu mdo02: Kém mdo03: Trung bình mdo04: Khá mdo05: Tốt

Nội dung tiêu chí	md01	md02	md03	md04	md05	tu_tbinh	tu_kha	tl_tbinh	tl_kha
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	20	278	481	127	886	608	97.58%	66.96%
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	3	41	332	438	92	862	530	95.14%	58.50%
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	2	45	337	417	102	856	519	94.80%	57.48%
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	16	83	433	307	65	805	372	89.05%	41.15%
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	4	31	238	480	149	867	629	96.12%	69.73%

PHẦN 7: TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH TOÀN TRƯỜNG

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$T_{\text{bình}} = \frac{m_{do01} + 2 * m_{do02} + 3 * m_{do03} + 4 * m_{do04} + 5 * m_{do05}}{m_{do01} + m_{do02} + m_{do03} + m_{do04} + m_{do05}}$$

Kết luận:

- TBình có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
- TBình có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
- TBình có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
- TBình có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
- TBình có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 911

	Thứ tự	TBình	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.42	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.68	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.82	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.83	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.11≈4.1	Khá
		M=3.77	Khá
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.16≈4.2	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	6	3.78	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	8	3.69	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	5	3.82	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	6	3.78	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.97	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.31	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.93	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	9	3.66	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.45	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	7	3.74	Khá
		M=3.85	Khá
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.78	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	3	3.63	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.63	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	4	3.36	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.82	Khá
		M=3.65	Khá

PHẦN 8: TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC KHOA

8.1. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT

Tổng số phiếu phản hồi: 118 (Đưa 118 phiếu phản hồi từ đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 về đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để tính giá trị trung bình vì đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 chỉ có 7 phiếu nhỏ hơn 30 phiếu)

8.2. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA XÃ HỘI HỌC – CÔNG TÁC XÃ HỘI – ĐÔNG NAM Á HỌC

Tổng số phiếu phản hồi: 10 (Đưa 10 phiếu phản hồi từ đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 về đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để tính giá trị trung bình vì đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 chỉ có 10 phiếu nhỏ hơn 30 phiếu)

8.3. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA NGOẠI NGỮ

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$T_{\text{bình}} = \frac{m_{do01} + 2 * m_{do02} + 3 * m_{do03} + 4 * m_{do04} + 5 * m_{do05}}{m_{do01} + m_{do02} + m_{do03} + m_{do04} + m_{do05}}$$

Kết luận:

- TBình có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
- TBình có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
- TBình có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
- TBình có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
- TBình có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 62

	Thứ tự	TBình	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.55	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.73	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.76	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	4.00	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.05	Khá
		M=3.82	Khá
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.23	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	7	3.79	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	6	3.82	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	7	3.79	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	8	3.70	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	4.16≈4.2	Tốt
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.42	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	4.11≈4.1	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	9	3.69	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.46	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	3.84	Khá
		M=3.91	Khá
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.90	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	2	3.90	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.89	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	1	4.08	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	4	3.81	Khá
		M=3.92	Khá

8.4. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$T_{\text{bình}} = \frac{m_{do01} + 2 * m_{do02} + 3 * m_{do03} + 4 * m_{do04} + 5 * m_{do05}}{m_{do01} + m_{do02} + m_{do03} + m_{do04} + m_{do05}}$$

Kết luận:

- TBình có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
- TBình có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
- TBình có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
- TBình có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
- TBình có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 223

	Thứ tự	TBình	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.66	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.92	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	2	4.00	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	3	3.98	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.09	Khá
		M=3.93	Khá
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.25	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	6	3.81	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	10	3.64	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	7	3.79	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	9	3.68	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	4.02	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.38	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.90	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	8	3.74	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.55	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	3.87	Khá
		M=3.88	Khá
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.84	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	3	3.81	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	4	3.74	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.32	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.99	Khá
		M=3.74	Khá

8.5. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Tổng số phiếu phản hồi: 2 (Đưa 2 phiếu phản hồi từ đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 về đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để tính giá trị trung bình vì đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 chỉ có 2 phiếu nhỏ hơn 30 phiếu)

8.6. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$T_{\text{binh}} = \frac{m_{do01} + 2 * m_{do02} + 3 * m_{do03} + 4 * m_{do04} + 5 * m_{do05}}{m_{do01} + m_{do02} + m_{do03} + m_{do04} + m_{do05}}$$

Kết luận:

- TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
- TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
- TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
- TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
- TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 183

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.40	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.75	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.78	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.85	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.15≈4.2	Tốt
		M=3.79	Khá
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	1	4.20	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	4	3.96	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	9	3.67	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	6	3.75	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	6	3.75	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.97	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	2	4.17≈4.2	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	5	3.88	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	8	3.71	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.43	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	7	3.73	Khá
		M=3.84	Khá
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.81	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.54	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.58	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.35	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.83	Khá
		M=3.62	Khá

8.7. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Thinh = \frac{m_{do01} + 2 * m_{do02} + 3 * m_{do03} + 4 * m_{do04} + 5 * m_{do05}}{m_{do01} + m_{do02} + m_{do03} + m_{do04} + m_{do05}}$$

Kết luận:

- TBình có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
- TBình có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
- TBình có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
- TBình có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
- TBình có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 224

	Thứ tự	TBình	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.34	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.51	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	2	3.85	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	3	3.77	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.21	Tốt
		M=3.74	Khá
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.11≈4.1	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	10	3.67	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	8	3.77	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	5	3.90	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	6	3.88	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.96	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.21	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.95	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	9	3.76	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.56	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	7	3.78	Khá
		M=3.87	Khá
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.75	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.53	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.56	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.25	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.80	Khá
		M=3.58	Khá

8.8. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$T_{\text{binh}} = \frac{m_{do01} + 2 * m_{do02} + 3 * m_{do03} + 4 * m_{do04} + 5 * m_{do05}}{m_{do01} + m_{do02} + m_{do03} + m_{do04} + m_{do05}}$$

Kết luận:

- TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
- TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
- TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
- TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
- TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 219

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.30	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.56	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.66	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.67	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.00	Khá
		M=3.64	Khá
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.05	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	7	3.73	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	8	3.66	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	5	3.84	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	6	3.81	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	4	3.88	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.44	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	3	3.93	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	10	3.44	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.28	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	9	3.56	Khá
		M=3.78	Khá
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	1	3.70	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.56	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.57	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.31	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	2	3.66	Khá
		M=3.56	Khá

8.9. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tổng số phiếu phản hồi: 22 (Đưa 22 phiếu phản hồi từ đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 về đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để tính giá trị trung bình vì đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 chỉ có 22 phiếu nhỏ hơn 30 phiếu)

8.10. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA XÂY DỰNG VÀ ĐIỆN

Tổng số phiếu phản hồi: 76 (Đưa 76 phiếu phản hồi từ đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 về đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để tính giá trị trung bình vì đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 chỉ có 25 phiếu nhỏ hơn 30 phiếu)

PHẦN 9: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HỆ THỐNG HỖ TRỢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO:

Nội dung	NN (Ngoại ngữ)	KK (Kế toán - Kiểm toán)	TC (Tài chính - Ngân hàng)	KI (Kinh tế và Luật)	QT (Quản trị kinh doanh)
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường	3.82	3.93	3.79	3.74	3.64
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường	3.91	3.88	3.84	3.87	3.78
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo	3.92	3.74	3.62	3.58	3.56
Trung bình chung	3.88	3.85	3.75	3.73	3.66

PHẦN 10: KẾT LUẬN CỦA BÁO CÁO KHẢO SÁT

- Số sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm: **413** chiếm tỷ lệ **45.33%**. Sinh viên chưa có việc làm lý do chủ yếu là đang xin việc chưa có kết quả chiếm tỷ lệ 67.31%.
- Số sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm: **498** chiếm tỷ lệ **54.67%**. Cụ thể, sinh viên có việc làm trước khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 52.61%, kể đến là sinh viên tìm được việc làm trong vòng 1 tháng chiếm tỷ lệ 19.48%.
 - o Mức độ phù hợp của công việc so với ngành đào tạo từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 75.50%, cụ thể:
 - Mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 22.89%.
 - Mức độ khá chiếm tỷ lệ 28.11%.
 - Mức độ hoàn toàn phù hợp chiếm tỷ lệ 24.50%.
 - o Sinh viên làm việc chủ yếu trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 65.06%.
 - o Mức thu nhập của sinh viên bình quân/tháng từ 3 - < 5 triệu chiếm tỷ lệ 41.37%, kể đến là từ 5 - < 7 triệu chiếm tỷ lệ 29.32%.
 - o Bằng tốt nghiệp của trường Đại học Mở TP.HCM có ảnh hưởng đối với mức lương hiện tại từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 56.02%, với mức độ ảnh hưởng đa phần là trung bình 32.53%.
 - Mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 32.53%.
 - Mức độ khá chiếm tỷ lệ 18.47%.
 - Mức độ ảnh hưởng rất nhiều chiếm tỷ lệ 5.02%.
 - o Bằng tốt nghiệp của trường Đại học Mở TP.HCM có ảnh hưởng đối với cơ hội thăng tiến trong công việc từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 70.89%, với mức độ ảnh hưởng đa phần là trung bình 31.33%.
 - Mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 31.33%.
 - Mức độ khá chiếm tỷ lệ 30.32%.
 - Mức độ ảnh hưởng rất nhiều chiếm tỷ lệ 9.24%.

- Khi có điều kiện tiếp tục học tập, đa số sinh viên chọn Trường Đại học Mở TP. HCM để đăng ký học tiếp chiếm tỷ lệ 91.22%.

1. Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường:

- ✓ Nhìn chung, sinh viên đánh giá "Khá" về chương trình đào tạo.
- ✓ Tất cả 5 tiêu chí đều được đánh giá "Khá", cụ thể:
 - Đánh giá "Khá" cao nhất là: "Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học" có giá trị trung bình $4.11 \approx 4.1$, kể đến là "Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý" có giá trị trung bình 3.83.
 - Đánh giá "Khá" thấp nhất là: "Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc" có giá trị trung bình 3.42.

2. Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường:

- ✓ Nhìn chung, sinh viên đánh giá "Khá" về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường.
- ✓ Có 2 tiêu chí đánh giá "Tốt" và 9 tiêu chí đánh giá "Khá", cụ thể:
 - Đánh giá "Tốt" cao nhất là: "Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa" có giá trị trung bình 4.31, kể đến là "Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ" có giá trị trung bình $4.16 \approx 4.2$.
 - Đánh giá "Khá" cao nhất là: "Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)" có giá trị trung bình 3.97, kể đến là "Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác" có giá trị trung bình 3.93.
 - Đánh giá "Khá" thấp nhất là: "Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội" có giá trị trung bình 3.45.

3. Đánh giá về kết quả đào tạo:

- ✓ Nhìn chung, sinh viên đánh giá "Khá" về kết quả đào tạo.
- ✓ Tất cả 5 tiêu chí đều được đánh giá "Khá", cụ thể:
 - Đánh giá "Khá" cao nhất là: "Khả năng sử dụng tin học trong công việc" có giá trị trung bình 3.82, kể đến là "Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu" có giá trị trung bình 3.78.
 - Đánh giá "Khá" thấp nhất là: "Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc" có giá trị trung bình 3.36.

Ban Giám Hiệu

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Chi Thanh Chu

Người viết báo cáo

Huỳnh Gia Xuyên